

### Documente - General

#### Vietnameză

Tôi có thể tìm mẫu đơn đăng kí \_\_\_\_ ở đâu?

Solicitare formular

Khi nào [tài liệu] của bạn được ban hành?

Întrebă când a fost un documentul emis

[Tài liệu] của bạn được ban hành ở đâu?

Întrebă unde a fost un documentul emis

Khi nào giấy căn cước (CMND) của bạn hết hạn?

Pe cine întrebi când își expiră ID-ul

Bạn có thể giúp tôi điền mẫu đơn này được không?

Cere ajutor pentru a completa formularul

Tôi cần mang những tài liệu gì để \_\_\_\_\_ ?

Întrebă ce documente trebuie să aduci

Để đăng kí cho [tài liệu] bạn cần cung cấp ít nhất \_\_\_\_\_

Indică de ce ai nevoie pentru a solicita un document

[Tài liệu] của tôi đã bị đánh cắp

Declară un document furat

Tôi đăng kí hộ \_\_\_\_\_

Menționează că tu completezi o aplicație în numele altcuiva

Thông tin này là bí mật

Indică informația ca fiind confidențială și că nu va fi divulgată altor părți terțe

Bạn có thể cho tôi hóa đơn không?

Solicită un număr de înregistrare pentru înregistrarea ta

#### Italiană

Dove posso trovare il modulo per \_\_\_\_ ?

Quando è stato rilasciato il suo [documento]?

Dove è stato rilasciato il suo [documento]?

Qual è la data di scadenza della sua carta d'identità?

Può aiutarmi a compilare il modulo?

Quali documenti devo portare per \_\_\_\_ ?

Per richiedere la/il [documento], deve fornire almeno \_\_\_\_\_.

Il mio/La mia [documento] è stato/a rubato/a

Sto completando questa domanda per conto di \_\_\_\_\_.

Le informazioni sono riservate.

Può darmi una ricevuta di consegna della domanda?

### Documente - Informații personale

#### Vietnameză

#### Italiană

Bạn tên gì?

Solicită numele unei persoane

Come si chiama?

Cho tôi biết nơi ở và ngày sinh của bạn được không?

Solicită cuiva locul și data nașterii

Può dirmi il suo luogo e la sua data di nascita?

Bạn sống ở đâu?

Solicită unde locuiește cineva

Dove risiede?

Địa chỉ của bạn là gì?

Solicită adresa cuiva

Qual è il suo indirizzo?

Quốc tịch của bạn là gì?

Solicită cetățenia cuiva

Qual è la sua cittadinanza?

Khi nào bạn đến [tên nước]?

Solicită cuiva când a ajuns în acea țară

Quando è arrivato/a in [stato]?

Bạn cho tôi xem giấy căn cước (CMND) của bạn được không?

Solicită ID-ul cuiva

Può mostrarmi la sua carta di identità?

## Documente - Stare civilă

### Vietnameză

Tình trạng hôn nhân của tôi là \_\_\_\_\_

Indică starea ta civilă

### Italiană

Il mio stato civile è \_\_\_\_\_.

độc thân

Stare civilă

celibe (m) / nubile (f)

đã thành hôn

Stare civilă

coniugato/a

ly thân

Stare civilă

separato/a

ly dị

Stare civilă

**divorziato/a**

sống thử

Stare civilă

**convivente**

kết hợp dân sự

Stare civilă

**in un'unione civile**

đối tác chưa kết hôn

Stare civilă

**in una coppia non sposata**

hợp doanh gia thuộc

Stare civilă

**in un'unione di fatto**

góa phụ

Stare civilă

**vedovo/a**

Bạn có con chưa?

Întrebă dacă cineva are copii

**Ha figli?**

Bạn có sống cùng với người phụ thuộc nào không?

Întrebă dacă cineva primește ajutor financiar pentru persoanele cu care locuiește

**Ha familiari a carico?**

Tôi muốn được đoàn tụ với gia đình của mình

Indică-ți intenția de a te reuni cu familia ta

**Vorrei ricongiungermi alla mia famiglia.**

## Documente - Înregistrare

### Vietnameză

Tôi muốn đăng kí ở thành phố này

Indică faptul că vrei să te înregistrezi

### Italiană

**Vorrei iscrivermi all'anagrafe**

Tôi cần mang những tài liệu gì?

Întrebă de ce documente ai nevoie

**Quali documenti devo portare?**

Bạn có thu phí đăng kí không?

Întrebă dacă înregistrarea supune costuri

**Ci sono delle spese per iscriversi all'anagrafe?**

Tôi đến đây để đăng kí chỗ ở

Menționează că ești acolo pentru a-ți face înregistrarea

**Sono qui per effettuare il cambio di domicilio.**

Tôi muốn xin giấy chứng nhận hạnh kiểm tốt

Menționează că vrei să aplici pentru cazier judiciar

**Vorrei ottenere un certificato di buona condotta.**

Tôi muốn đăng kí giấy tạm trú

Menționează că vrei să aplici pentru un permis de ședere

**Vorrei fare domanda per il permesso di soggiorno.**

### Documente - Asigurare medicală

#### Vietnameză

Tôi muốn hỏi mộ số câu hỏi về bảo hiểm y tế.

Menționează că ai câteva întrebări despre asigurarea de sănătate

#### Italiană

**Vorrei farle delle domande sull'assicurazione sanitaria.**

Tôi có cần bảo hiểm y tế tư nhân hay không?

Întrebă dacă ai nevoie de asigurare medicală privată

**Ho bisogno di un'assicurazione sanitaria privata?**

Bảo hiểm sức khỏe bao gồm những gì?

Întrebă despre acoperirea asigurării

**Cosa è coperto dall'assicurazione sanitaria?**

Phí bệnh viện

Exemplu de acoperire a asigurării medicale

**Spese ospedaliere**

Phí chuyên gia

Exemplu de acoperire de asigurare medicală

**Spese per la consultazione di uno specialista**

Xét nghiệm chẩn đoán

Exemplu de acoperire a asigurării de sănătate

**Test diagnostici**

Thủ tục phẫu thuật

Exemplu de acoperire a asigurării de sănătate

**Operazioni chirurgiche**

Điều trị tâm thần

Exemplu de acoperire a asigurării de sănătate

**Trattamento psichiatrico**

Điều trị nha khoa

Exemplu de acoperire a asigurării de sănătate

**Cure dentali**

Điều trị nhãn khoa

Cure oculistiche

Exemplu de acoperire a asigurării de sănătate

### Documente - Viză

#### Vietnameză

Tại sao bạn cần thị thực nhập cảnh?

Întrebă de ce se solicită o viză de intrare

#### Italiană

Per quali motivi richiede il visto d'ingresso?

Tôi có cần thị thực để đến [tên đất nước] không?

Întrebă dacă ai nevoie de viză pentru a intra în țară

Ho bisogno di un visto per entrare in [paese]?

Làm thế nào để gia hạn thị thực của tôi?

Întrebă cum îți poți extinde viza

Come posso prolungare il mio permesso di soggiorno?

Tại sao đơn xin thị thực của tôi bị từ chối?

Întrebă de ce aplicația pentru viză a fost respinsă

Perché la mia domanda per il permesso di soggiorno è stata rifiutata?

Tôi có thể đăng kí để trở thành cư dân thường trú được không?

Întrebă dacă poți aplica pentru permis de ședere permanentă în țară

Posso ottenere il diritto di soggiorno permanente?

### Documente - Permis de conducere

#### Vietnameză

Tôi có phải thay đổi biển số xe của mình hay không?

Întrebă dacă trebuie să-ți schimbi numărul de înmatriculare la mașină în cazul în care o aduci din țara de origine

#### Italiană

Devo cambiare la targa di immatricolazione della mia macchina?

Tôi muốn đăng kí xe

Indică faptul că vrei să-ți înregistrezi vehiculul

Vorrei immatricolare il mio veicolo.

Bằng lái xe của tôi có hiệu lực ở đây hay không?

Întrebă dacă permisul tău de conducere este valid în țara de destinație

La mia patente di guida è valida?

Tôi muốn đăng kí một bằng lái xe tạm thời

Solicita un permis de conducere provizoriu

Vorrei fare domanda per un permesso provvisorio di guida

Tôi muốn đăng kí \_\_\_\_\_.

Menționează că vrei să te înscrii la examenul auto

Vorrei prenotare l' \_\_\_\_\_.

Kì thi lý thuyết

Tipul de examen

**esame di teoria**

Kì thi lái xe

Tipul de examen

**esame di guida**

Tôi muốn thay đổi \_\_\_\_\_ trên bằng lái xe của tôi.

Menționează că ai vrea să schimbi câteva detalii ale permisului tău de conducere

**Vorrei cambiare \_\_\_\_\_ sulla mia patente di guida.**

địa chỉ

Date care se pot schimba

**l'indirizzo**

tên

Date care se pot schimba

**il nome**

ảnh

Date care se pot schimba

**la foto**

Tôi muốn thêm hạng mục cao hơn vào bằng lái xe của mình.

Indică faptul că ai vrea să adaugi categorii superioare la permisul tău de conducere

**Vorrei conseguire la patente per altre categorie.**

Tôi muốn làm mới bằng lái xe của mình

Menționează ca ai vrea să-ți reînnoiești permisul de conducere

**Vorrei rinnovare la mia patente di guida.**

Tôi muốn thay bằng lái xe \_\_\_\_\_.

Indică faptul că ai vrea să-ți înlocuiești permisul de conducere

**Vorrei richiedere il duplicato della mia patente di guida \_\_\_\_\_.**

mất

Probleme cu permisul de conducere

**smarrita**

bị đánh cắp

Probleme cu permisul de conducere

**rubata**

bi hư hỏng

**deteriorata**

Probleme cu permisul de conducere

tôi muốn khiếu nại việc bị đình chỉ giấy phép lái xe.

**Vorrei fare ricorso contro il ritiro della mia patente.**

Indică faptul că ai vrea să faci un apel împotriva retragerii permisului tău de conducere

## Documente - Naționalitate

### Vietnameză

Tôi muốn đăng kí quyền công dân tại [tên đất nước]

### Italiană

**Vorrei presentare domanda per la cittadinanza  
[aggettivo del paese]**

Menționează că vrei să aplici pentru naționalitate

Tôi có thể đăng kí kiểm tra [ngôn ngữ ] ở đâu?

**Dove posso iscrivermi al test di [lingua]?**

Întrebă unde te poți înregistra pentru un test de limbă

Tôi không có tiền án tiền sự

**Non ho precedenti penali.**

Menționează că nu ai antecedente penale

Tôi có trình độ [ngôn ngữ ] đạt yêu cầu

**Ho il livello richiesto di [lingua].**

menționează că ai nivelul necesar de limbă

Tôi muốn đăng kí kì kiểm tra về kiến thức tổng quát về cuộc sống ở [đất nước].

**Vorrei presentare domanda per l'esame di cittadinanza  
[aggettivo del paese].**

Menționează că vrei să te înscrii în examenul de cultură generală al țării de destinație

Mức phí để đăng kí quyền công dân là bao nhiêu?

**Quali sono le spese per la domanda di cittadinanza?**

Întrebă care sunt taxele de solicitare a cetățeniei

Vợ (chồng) tôi là công dân [tên đất nước]

**Il mio coniuge è di cittadinanza [aggettivo del paese].**

Indică naționalitatea partenerului tău